

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 96/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 9 - 2025

"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Vũ Thị Mỹ Linh**

Bà Trương Tuyết Thoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc "xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Tô Ngọc D. Sinh năm: 1988. Số Căn cước công dân 096188014315 cấp ngày 12/6/2022 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm C, phường T, tỉnh Cà Mau

- **Bị đơn:** Ông Tô Văn Đ. Sinh năm: 1982 (vắng mặt). Số chứng minh nhân dân 381258431 cấp ngày 23/5/2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp E, phường T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị N trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông Đ tự nguyện chung sống vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường T, tỉnh Cà Mau) ngày 20/8/2003, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 28, quyền số 01/2006. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Quá trình chung sống có một con chung tên Tô Quốc K, sinh ngày 26/11/2007, cháu K đang sống chung với ông Đ. Khi ly hôn bà giao con chung cho ông Đ nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: bà xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với ông Tô Văn Đ: mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để ông Đ tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như các phiên tòa xét xử nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không rõ lý do và không gửi văn bản ý kiến về các vấn đề bà D yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Tô N1 gọc Diên xin ly hôn với ông Tô Văn Đ được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa xét xử ông Đ vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của bà D về việc xin ly hôn với ông Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân của ông bà được xác lập trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường T, tỉnh Cà Mau) nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà D trình bày quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nên xin ly hôn với ông Đ. Đối với ông Đ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông về các vấn đề bà D yêu cầu. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án.

Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân phải xuất phát từ sự thương yêu, chia sẻ, quan tâm nhau, cùng nhau xây dựng thì cuộc sống vợ chồng mới đạt được mục đích. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà D Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D cho bà được ly hôn với ông Đ.

[3] Về con chung: Tại biên bản ghi ý kiến con chung cháu K có nguyện vọng sống với cha là ông Tô Văn Đ. Bà D đồng ý giao con cho ông Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy yêu cầu của bà D phù hợp với nguyện vọng của cháu K. Do đó, xét thấy cần giao cháu K cho ông Đ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Trường hợp ông Đ có yêu cầu thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Tô Ngọc D cho bà D ly hôn với ông Tô Văn Đ.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Tô Quốc K, sinh ngày 26/11/2007 cho ông Tô Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom cho chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tô Ngọc D phải chịu 300.000 đồng. Ngày 28/7/2025 bà D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0011731 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước.

5/Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ú

